

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Xét đề nghị của Bệnh viện Phục hồi chức năng tại Văn bản số 70/BVPHCN-KHTH ngày 10 tháng 9 năm 2025; Văn bản số 168/BVPHCN-KHTH ngày 14 tháng 5 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8341/TTr-SNN&MT ngày 12 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, địa chỉ: số 167, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Phục hồi chức năng có địa chỉ: số 167, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Bệnh viện Phục hồi chức năng.

b) Địa điểm hoạt động: số 167, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: số 00437/ĐT-GPHĐ ngày 14/10/2025 do Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp cấp.

d) Loại hình cơ sở: khám bệnh, chữa bệnh.

đ) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phân nhóm cơ sở: thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Diện tích: 10.205,2 m².

- Quy mô, công suất: 120 giường bệnh.

- Quy trình hoạt động: bệnh nhân → bàn bệnh nhân (thu tiền viện phí, phân phòng khám,...) → khám chữa bệnh chuyên khoa (hướng dẫn xử trí: kê đơn, cho về, nhập viện chữa trị) → nhận thuốc và hồ sơ → ra về.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Phục hồi chức năng được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Phục hồi chức năng có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND phường Cao Lãnh;
- Bệnh viện Phục hồi chức năng;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại bệnh viện, từ người bệnh nội trú và khám ngoại trú, từ thân nhân người bệnh; nước thải căn tin. Lưu lượng phát sinh khoảng: 49,92 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong bệnh viện. Lưu lượng phát sinh khoảng: 12 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 3: nước thải từ hoạt động y tế. Lưu lượng phát sinh khoảng: 06 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của phường Cao Lãnh trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là sông Cái Sao Thượng.

b) Vị trí xả nước thải:

- Số 167, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X = 1157542; Y = 569528.

c) Lưu lượng xả thải lớn nhất: 90 m³/ngày đêm (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải).

d) Phương thức xả nước thải: tự chảy.

đ) Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

e) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, hệ số K=1,2) và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, Bảng 1 với F ≤ 2.000 m³/ngày và cột A Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031 (tương ứng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế cột A, hệ số K=1,2)				
1	pH	-	6,5-8,5	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	7,2		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.600		
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH		
II	Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường (tương ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A Bảng 1 với F ≤ 2.000 m³/ngày và cột A Bảng 2)				
1	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	≤ 40	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	COD	mg/L	≤ 65		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40		
4	pH	-	6-9		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4,0		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 3.000		
8	Amoni (N - NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	$\leq 5,0$		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 3,0$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	$\leq 5,0$		
11	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	$\leq 0,2$		
12	Clo dư	mg/L	$\leq 1,0$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại bệnh viện, từ người bệnh nội trú và khám ngoại trú, từ thân nhân người bệnh; nước thải căn tin (nguồn số 01) → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 90 m³/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong bệnh viện (nguồn số 2) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 90 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ hoạt động y tế (nguồn số 3) → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 90 m³/ngày đêm.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong bệnh viện → Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 90 m³/ngày đêm.

- Quy mô, công suất: 12 bể tự hoại, thể tích mỗi bể 10 m³.

- Hệ thống xử lý nước thải: công suất 90 m³/ngày.đêm.

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Hồ thu → Bể cân bằng → Bể làm thoáng → Bể lắng → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (cống thoát nước chung của khu vực phường Cao Lãnh trên đường Tôn Đức Thắng).

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các bể tự hoại, cụm bể xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý nước thải của cơ sở Bệnh viện Phục hồi chức năng thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Bệnh viện Phục hồi chức năng chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: khu vực trạm xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau

a) Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

- Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

b) Kể từ ngày 01/01/2027: áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	50	45	40	-	Khu vực A

- Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	60	55	-	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch bảo trì toàn bộ máy móc, thiết bị để luôn hoạt động ở tình trạng tốt, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây ra. Thay mới máy móc, thiết bị khi xuống cấp, không còn đảm bảo yêu cầu.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	30
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	20
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	10
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	40
Tổng khối lượng				100

- Chất thải nguy hại lây nhiễm:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải có chứa các tác nhân gây lây nhiễm	13 01 01	Rắn	2.500
Tổng khối lượng				2.500

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh khoảng 113.400 kg/năm.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 109.500 kg/năm.

d) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	110
Tổng khối lượng				110

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: chứa trong thùng hoặc hộp kháng thủng và có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: chứa trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: chứa trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải giải phẫu: chứa trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: chứa trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Việc lưu giữ chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 15/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Diện tích khu vực lưu chứa: bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 12m² chia làm 02 khu vực tách biệt:

+ Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: diện tích 06m²

+ Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại lây nhiễm: diện tích 06m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: vách làm bằng bê tông, nền xi măng, mái tole; cửa ra vào bằng tole có khóa, bên ngoài có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa và thời gian lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải nguy hại khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT

ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 15/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải công nghiệp thông thường không tái chế: chứa trong túi nilon màu xanh, đặt trong thùng rác có nắp đậy.

+ Chất thải công nghiệp thông thường tái chế: chứa trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng, đặt trong thùng rác có nắp đậy.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 03m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: vách làm bằng bê tông, nền xi măng, mái tole; bên ngoài có bảng hiệu “Khu lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường”.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 70 thùng rác có nắp đậy loại 15 lít tại các phòng, khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, 78 thùng rác có nắp đậy loại 30 lít và 1 thùng rác có nắp đậy loại 480 lít để tập kết rác thải.

- Khu vực chứa rác thải tập trung: bố trí 78 thùng rác có nắp đậy loại 30 lít và 1 thùng rác có nắp đậy loại 480 lít để tập kết rác thải.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: diện tích 12 m² được bố trí riêng biệt với các khu vực khác và có gắn bảng tên khu vực tập kết chất thải sinh hoạt theo đúng quy định.

d) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Thiết bị lưu chứa: Bể chứa bùn có kích thước 2,08m³.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; thực hiện yêu cầu phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BTNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

3. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.